

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Nguyễn Thị Hoa và Hà Thị Tuyết Minh** - Tác động của thu ngân sách đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam: Bằng chứng từ hồi quy phân vị. **Mã số: 157.ISMET.11** 3
The Effect of Government Revenue on Economic Growth in Viet Nam: Empirical Evidence From Quantile Regression Approach
- 2. Nguyễn Thu Thủy và Nguyễn Văn Chiến** - Tác động của kinh tế Trung Quốc và Mỹ lên Việt Nam trong đại dịch COVID-19 - Phân tích từ thị trường chứng khoán. **Mã số: 157.IIEM.11** 10
Impact of China and the USA's economy on Vietnam's economy during the Covid-19 pandemic - An empirical analysis from the stock markets
- 3. Ngô Thị Mỹ, Phạm Minh Đạt và Đinh Sao Linh** - Tác động từ hiệp định thương mại tự do giữa liên minh Châu Âu và Việt Nam (EVFTA) đến xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam. **Mã số: 157.IIEM.11** 20
Impact of the EU- Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA) on exporting Vietnamese goods
- 4. Nguyễn Văn Phương và Bùi Thị Nga** - Phân tích ý định mở rộng quy mô kinh doanh gắn với chuỗi cung ứng ngắn thực phẩm của người nông dân Việt Nam. **Mã số: 157.ITrEM.11** 29
Analysis of the intention to scale-up short food supply chains of Vietnamese farmers

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 5. Đỗ Vũ Phương Anh và Tạ Huy Hùng** - Xây dựng thang đo thương hiệu nhà tuyển dụng trong lĩnh vực ngân hàng giai đoạn chuyển đổi số. **Mã số: 157. 2BMkt.21** 40
Employer brand scale development and validity for banking industry in digital transformation
- 6. Nguyễn Thành Hưng** - Công bố thông tin trách nhiệm xã hội tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. **Mã số: 157. 2BAcc. 22** 51
Corporate Social Responsibility Information Disclosure at Listed Companies on the Vietnam Stock Market

- 7. Nguyễn Thị Phương Liên và Trần Đình Thắng** - Giải pháp phát triển dịch vụ thẩm định giá tại Việt Nam. *Mã số: 157. 2BAcc. 22* 64
Solutions for Developing Valuation Services in Vietnam
- 8. Nguyễn Thanh Hùng** - Các rào cản áp dụng công nghệ Blockchain tại các công ty giao nhận vận tải ở Thành phố Hồ Chí Minh. *Mã số: 157. 2BAdm. 21* 74
Barriers Affecting the Use of Blockchain by Freight Forwarders in Ho Chi Minh City
- 9. Phạm Ngọc Toàn, Phạm Ngọc Hưng và Lê Thị Thanh An** - Ảnh hưởng của công nghệ tới cầu lao động: dữ liệu từ doanh nghiệp Việt Nam. *Mã số: 157. 2HRMg. 21* 88
Impact of technology on labor demand
- 10. Phan Quốc Tấn và Bùi Thị Thanh** - Vốn tâm lý và kết quả công việc của nhân viên y tế: vai trò trung gian của chất lượng cuộc sống công việc và sự thỏa mãn công việc. *Mã số: 157. 2HRMg. 21* 97
Psychological capital and performance of medical staff: the mediating role of Quality of work life and job satisfaction

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 11. Trần Thị Hồng Liên** - Lược sử phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam và vai trò của chính sách nhà nước. *Mã số: 157. 3GEMg. 32* 107
A Summary History of Innovative Startups on Vietnam and the Role of Public Policies

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

LƯỢC SỬ PHÁT TRIỂN KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TẠI VIỆT NAM VÀ VAI TRÒ CỦA CHÍNH SÁCH NHÀ NƯỚC

Trần Thị Hồng Liên

Trường Đại học Kinh tế Luật, ĐHQG Tp Hồ Chí Minh

Email: lientth@uel.edu.vn

Ngày nhận: 05/07/2021

Ngày nhận lại: 23/08/2021

Ngày duyệt đăng: 27/08/2021

Bài báo này lấp đầy một phần khoảng trống nghiên cứu về cái nhìn hệ thống đối với tiến trình phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) tại Việt Nam. Sau thời kỳ tích tụ nguồn lực mọi mặt nhờ sự mở cửa nền kinh tế đón làn sóng đầu tư nước ngoài trước năm 2000, những mầm mống đầu tiên của khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái hỗ trợ cho nó đã dần phát triển. Sau 20 năm, Việt Nam đã có ba thế hệ các khởi nghiệp ĐMST với sự khác biệt lớn về quy mô, định hướng chiến lược, thành tích kinh doanh và mức độ hoàn thiện của hệ sinh thái: Từ định hướng nội địa chuyển sang định hướng khu vực và toàn cầu, từ khởi nghiệp trị giá nhỏ tới kỳ lân, từ một cộng đồng sơ khai tới hệ sinh thái với đầy đủ cấu phần và năng động. Trong tiến trình đó, bước phát triển vượt bậc đã thực sự đạt được sau thời điểm nhà nước (trung ương và địa phương) chính thức tham gia vào phát triển khởi nghiệp và ban hành các chính sách hỗ trợ.

Từ khóa: Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chính sách, hệ sinh thái.

JEL Classifications: M13

Giới thiệu

Dù con số khởi nghiệp ĐMST của những năm 2016-2018 tại Việt Nam đã hạ nhiệt trên truyền thông trong hai năm trở lại đây do đại dịch toàn cầu COVID-19, nhưng lĩnh vực này đã thực sự có một đời sống riêng, âm thầm nhưng bền bỉ trong nền kinh tế Việt Nam. Từ một quốc gia không được chú ý, cộng đồng khởi nghiệp Việt Nam đã có sự phát triển toàn diện và nằm trong nhóm có thứ hạng đáng kể tại Đông Nam Á (Cento Ventures, 2019, 2021). Trên tiến trình phát triển đó, với đặc thù về quản lý nhà nước tương đối chặt chẽ nền kinh tế tại Việt Nam, những sự can thiệp chính sách có chủ ý hay vô tình, đã đóng vai trò thiết yếu trong việc mở ra các điều kiện thuận lợi và dẫn tiến tới toàn diện cho một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST).

Các nghiên cứu về khởi nghiệp ĐMST nói chung và hệ sinh thái dành cho nó nói riêng tại Việt Nam hiện nay tập trung vào một số chủ đề chính. Thứ nhất là đánh giá mức độ phát triển của hệ sinh thái dựa trên một số công cụ, như mô hình mức độ trưởng thành của cộng đồng khởi nghiệp (Startup community maturity model - SCMM), cho một địa phương là Hà Nội (Nguyễn Thu Hương & Nguyễn Quốc Anh, 2020 hoặc cho nhiều địa phương (Trần Thị Hồng Liên và ctg, 2018) và kết quả phát triển khởi nghiệp ĐMST tại một thời điểm nhất định (Bùi

Nhật Quang, 2017). Thứ hai là đánh giá một số khía cạnh cụ thể của hệ sinh thái như các chính sách hỗ trợ của nhà nước (Lương Thu Thủy, 2020, Trần Thị Hồng Liên, 2019), vốn mạo hiểm cho khởi nghiệp (Nguyễn Thúc Hương Giang & Lê Vũ Toàn, 2020), đào tạo khởi nghiệp trong trường đại học và đại học khởi nghiệp (Nguyễn Thị Thanh An & Đinh Thị Ngọc Quỳnh, 2021; Trần Anh Phương, 2018), và những giải pháp chung (Ngô Thị Thơm, 2020). Hầu hết những nghiên cứu liên quan tới khởi nghiệp còn lại là về mối quan hệ giữa các yếu tố khác nhau với ý định khởi nghiệp của nhiều nhóm đối tượng, mà không đi sâu vào khởi nghiệp ĐMST. Như vậy, kho tàng nghiên cứu chưa có nghiên cứu nào với cái nhìn tổng thể về tiến trình phát triển khởi nghiệp ĐMST tại Việt Nam từ góc độ lịch sử.

Nghiên cứu này khái quát lại tiến trình phát triển của cộng đồng khởi nghiệp ĐMST Việt Nam từ trạng thái tự phát sơ khởi đầu thế kỷ 21 cho tới ngày nay. Trong mỗi thời kỳ, các chính sách của nhà nước được đánh giá là có ảnh hưởng tới sự phát triển đó sẽ được giới thiệu và phân tích.

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phân tích nội dung. Theo đó, tác giả nghiên cứu dữ liệu dưới dạng in ấn, hình ảnh hoặc âm thanh để khám phá xem chúng có ý nghĩa gì với con người, và thông tin gì đang được truyền tải (Krippendorff, 2013, tr.

117-119). Phương pháp này được dùng để phân định những giai đoạn phát triển chính, những dấu mốc, và tìm kiếm các quy định hay hoạt động liên quan đến khuyến khích khởi nghiệp ĐMST. Mẫu được chọn dựa trên tính liên quan (relevant sampling) kết hợp phương pháp quả bóng tuyết (snowball sampling) (Krippendorff, 2013). Dữ liệu thứ cấp được sử dụng là thông tin liên quan đến từ các văn bản pháp quy và văn bản hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước, và thường được phản ánh thông qua hệ thống truyền thông và công thông tin của Chính phủ. Tác giả cũng khai thác báo cáo phân tích của các quỹ đầu tư mạo hiểm như Cento Venture (Singapore) (Cento Ventures, 2019, 2020, 2021), tổ chức Mekong Business Initiative (Mekong Business Initiative, 2017), Cơ quan Thương mại và Đầu tư Chính phủ Australia - AusTrade (AusTrade, 2019)... Cuối cùng, bức tranh tổng thể về cộng đồng khởi nghiệp ĐMST Việt Nam vào giữa năm 2021 được vẽ dựa trên dữ liệu từ Công thông tin khởi nghiệp ĐMST quốc gia (Startup.gov.vn). Lượng lớn dữ liệu này được khai thác nhờ công cụ “cào dữ liệu” (data crawling) bằng ngôn ngữ lập trình Python.

Các phát hiện nghiên cứu được trình bày theo thứ tự sau đây. Trên cơ sở lý thuyết về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, lịch sử ngắn gọn với bốn giai đoạn phát triển gồm ba thể hệ khởi nghiệp ĐMST tại Việt Nam cùng các chính sách trong từng thời kỳ được lồng ghép phân tích. Sau đó một bức tranh khái quát năm 2021 của hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST được xây dựng nhờ dữ liệu và mức độ đóng góp của chính sách được làm rõ. Phân kết luận nêu lên đóng góp và những hạn chế của bài viết.

1. Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái và chính sách của nhà nước

Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) là việc tạo lập nhóm người hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp gắn với những ý tưởng kinh doanh mang tính đột phá hoặc tốt hơn, dưới dạng một công nghệ độc đáo hoặc một mô hình kinh doanh hoàn toàn mới (Blank, 2013). Không ít người nhầm lẫn giữa khởi nghiệp ĐMST (startup) và các doanh nghiệp nhỏ và vừa (Trần Thị Hồng Liên và ctg, 2018), tuy nhiên startup nhất thiết phải đi cùng với công nghệ mới hoặc mô hình kinh doanh mới (Cento Ventures, 2021).

Do tính chất mới mẻ của sản phẩm/dịch vụ và phương thức kinh doanh, khởi nghiệp ĐMST hoạt động trong hoàn cảnh không chắc chắn và cần phải liên tục kiểm định các mô hình kinh doanh khác nhau nhằm tìm ra mô hình tốt nhất (Blanks & Dorf, 2012; Shabangu, 2014), do vậy chúng cần một hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp phù hợp (Shabangu, 2014). Hệ

sinh thái khởi nghiệp ĐMST bao gồm hệ thống các nhóm người và tổ chức cung cấp các nguồn lực cường độ cao về con người và vật chất để tạo điều kiện cho sự ra đời và hỗ trợ sự phát triển của các khởi nghiệp ĐMST. Đó là nhà khởi nghiệp, nhà nước, tổ chức đầu tư mạo hiểm, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp và văn hóa khởi nghiệp (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2017). Một hệ sinh thái có thể ở quy mô địa phương, trong vòng 60 dặm xung quanh một tâm điểm thường là một đô thị (Startup Genome, 2020) hoặc ở phạm vi một quốc gia (Startup Blink, 2021).

Theo quan điểm hệ sinh thái, nhà nước là một cầu phần quan trọng. Nhà nước là một trong những “chủ thể hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển, [thông qua] chính sách và luật pháp của nhà nước (về thành lập doanh nghiệp, thành lập tổ chức đầu tư mạo hiểm, thuế, cơ chế thoái vốn...)” (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2017). Mục đích của nhà nước khi tham gia hỗ trợ khởi nghiệp là biến đổi nền kinh tế, tăng năng suất lao động, nhờ đó tăng thu nhập và giảm đói nghèo. Chính phủ nhiều nước đã thực thi nhiều chương trình hỗ trợ khởi nghiệp hiệu quả như tại Hoa Kỳ, Canada hay Australia. Chính quyền có thể đóng vai trò là nhà đầu tư mạo hiểm trực tiếp, nhờ đó gia tăng niềm tin và sự sẵn sàng góp vốn của khu vực tư nhân. Nhưng vai trò lớn của chính phủ nằm ở năng lực ban hành chính sách, nhờ đó tạo ra môi trường thể chế thuận lợi cho khởi nghiệp và môi trường này có tác động quan trọng trong dài hạn đối với sự thành công của startup (Trần Thị Hồng Liên và ctg, 2018). Sự song hành giữa chính sách của nhà nước và khởi nghiệp ĐMST đã diễn ra tại Việt Nam và được phân tích trong phần 2 tiếp sau đây.

2. Các giai đoạn phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam

2.1. Sự tích tụ nền tảng công nghệ, tài chính và quản trị cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: 1987-2000

Cho dù tới giữa những năm 2010, khởi nghiệp ĐMST mới nổi lên như một trào lưu kinh doanh tại Việt Nam, được đưa tin rầm rộ trên các kênh truyền thông và thu hút sự quan tâm của toàn xã hội và tới năm 2016, Chính Phủ đã chính thức ban hành chính sách hỗ trợ KNĐMST đầu tiên (Đề án 844), nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc các startup cũng như các thành tố khác của hệ sinh thái KNĐMST lúc đó mới xuất hiện. Các khởi nghiệp dựa trên nền tảng công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) đã hình thành từ rất sớm, như là một bước phát triển tự nhiên của nền kinh tế Việt Nam sau những năm chuẩn bị nền tảng từ 1987 tới 2000.

Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được ban hành ngày 29/12/1987 đã mở cửa cho làn sóng đầu

tư nước ngoài. Trên cơ sở Quy chế khu chế xuất được ban hành kèm theo Nghị định số 322/HĐBT ngày 18/10/1991, khu chế xuất Tân Thuận được thành lập trong năm đó; sang năm 1992 có thêm khu chế xuất Linh Trung 1; tới giai đoạn 1996-1997 có thêm 10 khu công nghiệp (BQL các KCX & KCN Tp. HCM, 2020) và các khu công nghiệp khác tại Hà Nội có quyết định thành lập của Chính phủ. Cùng với Khu công nghiệp Biên Hòa đã có từ năm 1963, sự cởi mở chính sách đã tạo ra mạng lưới khu công nghiệp - chế xuất trên toàn quốc sau đó. Sự phát triển kinh tế nhờ đầu tư và công nghệ sản xuất từ nước ngoài trong vòng hơn mười năm đã tạo ra đội ngũ những nhà kỹ thuật Việt Nam học được công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến và muốn thay đổi con đường sự nghiệp từ đi làm thuê sang khởi nghiệp kinh doanh dựa trên công nghệ, cùng với những nhà công nghệ trẻ tuổi từ các trường đại học kỹ thuật nắm bắt được cơ hội cũng muốn đi theo con đường này (Rowan, 2019).

Nét vẽ đầu tiên và rõ ràng nhất về khung cảnh khởi nghiệp ĐMST tại Việt Nam có thể được tính từ năm 2004 khi quỹ đầu tư mạo hiểm IDG Ventures Vietnam được thành lập. Với kinh nghiệm tại thị trường Trung Quốc trước đó, IDG đã có mặt tại Việt Nam kể từ năm 1992 khi công ty hợp tác cho ra mắt tạp chí Thế giới Vi tính phiên bản Việt Nam (PC World Vietnam), ấn phẩm đầu tiên về máy tính tại Việt Nam (Thế Giới Vi Tính xuất bản số đầu tiên từ tháng 11-1992). Trong năm 1994, nhà sáng lập IDG, Patrick McGovern, đã ghé thăm Việt Nam hàng chục lần (IDG Ventures Vietnam, 2020). Sự hiện diện của IDG Venture Vietnam cho thấy có những cơ hội đầu tư và có những startup công nghệ đã ra đời vào thời gian rất sớm đó.

Hiện nay có nhiều cách phân kỳ lịch sử phát triển của startup Việt Nam. Theo AusTrade (2019), đã có ba làn sóng khởi nghiệp: Làn sóng thứ nhất (2004-2007), làn sóng thứ hai (2007-2010) và làn sóng thứ ba (2011 tới nay). Austrade tính đến các yếu tố công nghệ thông tin, nhưng chưa chú trọng đến tính đột phá của công nghệ hoặc mô hình kinh doanh. Từ một góc độ khác, bằng những dữ liệu cụ thể, Quỹ đầu tư mạo hiểm Cento Ventures chuyên về startup công nghệ đến từ Singapore đã chia lịch sử phát triển này thành ba giai đoạn với những cột mốc khác với AusTrade.

Khởi nghiệp ĐMST gắn liền với thay đổi lớn về công nghệ hoặc mô hình kinh doanh, vì vậy, cách tiếp cận của Cento Ventures có nhiều điểm phù hợp hơn Austrade. Chiến lược doanh nghiệp có sự khác biệt lớn giữa các giai đoạn, do môi trường kinh doanh đã đạt mức độ trưởng thành cao hơn sau một số năm. Trong mỗi giai đoạn phát triển, các chính sách từ chính phủ và địa phương là yếu tố không thể không nhắc đến, vì chúng tạo điều kiện môi trường cũng như nền tảng thuận lợi đưa hệ sinh thái khởi nghiệp lên một trình độ phát triển mới. Do đó, trong phần tiếp theo đây, mỗi giai đoạn sẽ được phân tích cùng với một số chính sách nổi bật của giai đoạn đó.

2.2. *Thế hệ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thứ nhất: 2000 - 2006*

Thế hệ đầu tiên (thành lập từ năm 2000 tới 2006), bao gồm nhà sáng lập các startup nổi bật như VNG (2004, trò chơi trực tuyến), Vatgia (2006, thương mại điện tử), VCCorp (2006, tin tức - truyền thông), Batdongsan.com.vn (2006, môi giới bất động sản), 24h (2004, tin tức-quảng cáo), và Yeah1 (2006, tin tức - truyền thông). Hầu hết những startup này đã nhanh chóng thu hút được lưu lượng người dùng lớn và trở thành người chơi dẫn đầu trong ngành của họ. Khi phần kinh doanh cốt lõi đạt được đủ quy mô, các startup này thường mở rộng sang những ngành kỹ thuật số mới (Cento Ventures, 2019) và tập trung phục vụ thị trường nội địa.

Trong giai đoạn này, một chính sách có tác động mạnh tới hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST là Việt Nam đã phát triển các khu công nghệ cao tại ba thành phố lớn: Hòa Lạc (1998), Khu công viên phần mềm Quang Trung (2001), Thành phố Hồ Chí Minh (2002), và Đà Nẵng (2010). Chính phủ coi công nghệ là mấu chốt cho sự phát triển kinh tế quốc gia. Các khu công nghệ cao chính là nơi nuôi dưỡng và ươm mầm những startup công nghệ với nhà khởi nghiệp là người làm việc tại các doanh nghiệp lớn



Nguồn: Cento Ventures (2019)

Hình 1: Thế hệ thứ nhất startup công nghệ Việt Nam

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

trong khu và tới một thời điểm thích hợp sẽ tách ra thành lập các doanh nghiệp “spin-off.” Các khu công nghệ cao đã thu hút các nhà đầu tư đồng thời là công ty công nghệ hàng đầu thế giới cùng các viện nghiên cứu và tập đoàn nổi bật của Việt Nam. Sự kết hợp các công ty với nhiều cấp độ và quy mô phát triển này giúp lan tỏa công nghệ, gia tăng đổi mới, đồng thời hun đúc nên tinh thần khởi nghiệp của các thành viên trong nội bộ cộng đồng các khu công nghệ cao.

2.3. Thế hệ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thứ hai: 2007 - 2014

Thế hệ startup thứ hai (thành lập từ 2007 - 2014), bao gồm nhà sáng lập các công ty đáng chú ý như Tiki (2010, thương mại điện tử), Foody (2012, tìm kiếm nhà hàng), Topica (2008, giáo dục), và Nhaccuatui (2007, âm nhạc). Thị trường lúc này đã trở nên cạnh tranh hơn và khó chiếm lĩnh hơn, vì vậy các công ty này tập trung vào tăng cường mảng kinh doanh cốt lõi thông qua tích hợp theo chiều dọc (Cento Ventures, 2019) như mô tả trong hình 2. Từ trang tìm kiếm nhà hàng, Foody đã mở rộng sang ứng dụng giao đồ ăn Now. Topica đã phát triển từ cung cấp khóa đào tạo ngắn sang chương trình dài, gia sư và trung tâm tăng tốc khởi nghiệp. Sau khi chiếm lĩnh thành công thị trường nội địa, các startup này đã mở rộng ra nước ngoài, đặc biệt là khu vực Đông Nam Á, như Foody và Topica. Từ một trang thương mại nội địa, Tiki đã thành lập thêm mảng thương mại điện tử quốc tế, dịch vụ giao hàng và các tính năng có liên quan khác.

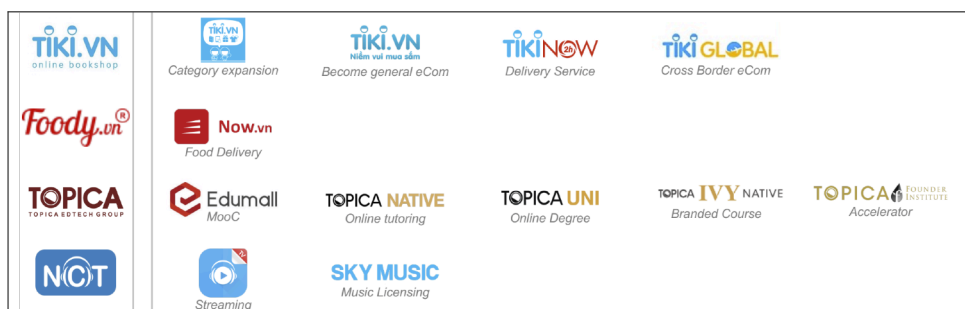
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khoa học công nghệ là hành động nổi bật của Chính phủ trong giai đoạn này. Cho dù Luật Khoa học và Công nghệ đầu tiên (Quốc Hội, 2000) đã đề cập tới ưu đãi dành cho

doanh nghiệp có đầu tư vào phát triển khoa học công nghệ, nhưng chưa có quy định về doanh nghiệp chuyên hoạt động trong lĩnh vực này. Năm 2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 80/2007/NĐ-CP định nghĩa rõ doanh nghiệp khoa học công nghệ và ưu đãi họ được hưởng tùy theo tỷ lệ doanh thu từ khoa học và công nghệ. Nghị định 80 (Chính phủ, 2007) là một cột mốc, có lẽ vì vậy một số cách phân kỳ lịch sử startup Việt Nam đã chọn năm này là một ranh giới. Các ưu đãi cho doanh nghiệp là rất đa dạng, tuy nhiên các thủ tục cần làm để được hưởng đòi hỏi nhiều công sức nên chưa hấp dẫn được các doanh nghiệp, dẫn tới không tăng trưởng được số lượng doanh nghiệp khoa học công nghệ như kỳ vọng. Nghị định 80 tuy không mang lại nhiều kết quả thực tế, nhưng có giá trị biểu tượng về sự coi trọng vai trò của công nghệ trong kinh doanh hơn bao giờ hết của Chính phủ, là sự định hướng cho quan niệm xã hội cởi mở hơn với khởi nghiệp ĐMST.

2.4. Thế hệ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thứ ba: 2015 tới nay

Thế hệ startup thứ ba được thành lập từ 2015 trở lại đây với một số cái tên như Ecomobi (2015, bán hàng trên mạng xã hội), Elsa (2015, dạy tiếng Anh), và Luxstay (2018) (ứng dụng đặt phòng homestay) (Hình 3). Sự toàn cầu hóa sâu sắc của sản phẩm kinh doanh số buộc thế hệ này phải có được tư duy khu vực rất sớm dựa vào công nghệ lõi mạnh. Nhiều nhà sáng lập đã từng học tập và làm việc tại nước ngoài trong những hệ sinh thái công nghệ tiên tiến, có kinh nghiệm trong những startup tăng trưởng nhanh và là những nhà khởi nghiệp chuỗi trở về với một tham vọng lớn lao hơn. Đặc biệt, các thế hệ nhà sáng lập trước đã rút lui (“exit”) thành công hoặc xây dựng

được những công ty lớn đã đầu tư trở lại vào một thế hệ startup trong nước mới hơn (Cento Ventures, 2019). Họ thay đổi vai trò từ nhà khởi nghiệp thành nhà đầu tư mạo hiểm. Với sự dịch chuyển mạnh mẽ chiến lược, sự hiện diện quốc tế



Nguồn: Cento Ventures (2019)

Hình 2. Thế hệ thứ hai startup công nghệ Việt Nam

1. Khởi nghiệp do những người đã từng làm việc tại các công ty lớn thành lập dựa trên học hỏi công nghệ, mô hình kinh doanh của công ty lớn đó.

của họ là một nguyên nhân quan trọng khiến hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST của Việt Nam được nhận dạng rõ hơn và vươn lên đáng kể trong khu vực Đông Nam Á.



Nguồn: Cento Ventures (2019)

Hình 3: *Thế hệ thứ ba startup công nghệ Việt Nam*

Năm hoạt động nổi bật nhất được lần lượt giới thiệu sau đây:

Chương trình Đổi tác Đổi mới Sáng tạo Việt Nam - Phần Lan Giai đoạn 2 (IPP2)

Kéo dài từ 2014 tới 2018, mục đích của chương trình là hỗ trợ hệ thống đổi mới sáng tạo của Việt Nam tiếp cận thị trường quốc tế (IPP, 2014). IPP2 đã đặt nền tảng cho cách tiếp cận hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST tại Việt Nam trong tư duy của các đối tượng hữu quan thông qua hoạt động xây dựng năng lực (đào tạo về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp đẳng cấp quốc tế dành cho trường đại học, tài trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo, đào tạo chuyên gia đổi mới sáng tạo) và phát triển thể chế (tư vấn - hỗ trợ cho quan chức chính phủ về hạ tầng chính sách và thể chế cho khởi nghiệp ĐMST). IPP2 đã “kích hoạt được những thành tố trong hệ sinh thái khởi nghiệp mà trước đây hoàn toàn bị lãng quên bởi các quỹ đầu tư mạo hiểm” (IPP, 2018). Sự biến chuyển tư duy lớn nhất mà IPP2 tạo ra đó là khởi nghiệp ĐMST cần tăng trưởng cao và hướng ra thị trường quốc tế, nhà nước cần có trách nhiệm trong phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, khởi nghiệp cần được hỗ trợ tài chính (ở các giai đoạn khác nhau) và phi tài chính từ giai đoạn tiền khởi nghiệp (IPP, 2018). Mô hình IPP2 thử nghiệm và tìm thấy sự phù hợp với điều kiện Việt Nam cũng tương đồng với cách làm của Công ty VSV ở phần tiếp sau đây.

Xây dựng tổ chức tăng tốc nội địa

Vietnam Silicon Valley (VSV) được thành lập vào năm 2014 như là một tổ chức tăng tốc cao cấp

chính thức của Việt Nam. Hoạt động trong khuôn khổ của Bộ Khoa học và Công nghệ, VSV cung cấp chương trình tăng tốc cho những startup ở giai đoạn sớm. Sự ra đời của VSV giúp giải quyết những thách thức đặc thù của startup nội địa về lãnh đạo, phát triển mô hình kinh doanh, gia nhập thị trường, sự phù hợp giữa sản phẩm với thị trường và huy động vốn. Sứ mệnh này đã được thực hiện thông qua các khóa VSV Bootcamp kéo dài bốn tháng, chương trình Startup 101 và VSV Corner (Cento Ventures, 2019, Vietnam Silicon Valley, 2021). VSV đã thể hiện rõ định hướng quốc tế theo hai chiều: mang startup Việt Nam ra nước ngoài (như Hàn Quốc, Hoa Kỳ) và đưa

startup nước ngoài vào Việt Nam. Sau VSV, những trung tâm tăng tốc nội địa khác đã ra đời như VIISA (FPT Ventures và Dragon Capital đồng sáng lập năm 2017), CSIP cho khởi nghiệp xã hội, và ThinkZone Accelerator. Nếu như các trung tâm nước ngoài thường tuyển chọn startup tham gia các đợt huấn luyện tập trung (bootcamp) tại nước ngoài, thì các trung tâm nội địa thực hiện các hoạt động trong nước và giúp hoàn thiện thêm hệ sinh thái khởi nghiệp nội địa.

Tổ chức ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia (Techfest)

Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức Techfest hàng năm liên tục kể từ năm 2015 với con số giá trị quan tâm đầu tư năm đầu tiên là 1,5 triệu USD (Khôi Linh, 2015) và liên tục tăng lên trong các năm sau đó. Tại Techfest, các khởi nghiệp được trưng bày sản phẩm, dịch vụ tại các gian hàng để tiếp cận khách hàng và nhà đầu tư. Các hội thảo và sự kiện kết nối đầu tư là phần không thể thiếu. Các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp quốc tế và nội địa cũng có mặt tại các kỳ Techfest. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, Techfest năm 2020 vẫn được tổ chức theo một phương thức chia nhỏ thành chuỗi sự kiện để phù hợp với quy chuẩn an toàn sức khỏe. Các ngày hội này đã quy tụ hàng nghìn lượt người tham dự mỗi năm. Các hoạt động, đặc biệt là lễ khai mạc và bế mạc được truyền hình trực tiếp, đã trở thành phương tiện truyền thông hữu hiệu nâng cao nhận thức của cộng đồng về khởi nghiệp ĐMST và tác động tới khả năng thu hút đầu tư.

Sáng kiến kinh doanh Mekong (MBI)

Một dự án quốc tế khác cũng mang tính chất hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp tại Việt Nam và thể hiện sự hỗ trợ của Chính phủ đó là “Mekong Business Initiative” (MBI) (2015 tới 2019). MBI là sáng kiến hợp tác giữa Ngân hàng phát triển châu Á và Chính phủ Australia để thúc đẩy đổi mới tại bốn nước Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam để tạo nền tảng cho phát triển kinh doanh bền vững (AusTrade, 2019). Hoạt động của MBI có sự chồng lấn giữa hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, và khởi nghiệp ĐMST. Mục tiêu của MBI được hiện thực hóa bằng các sự kiện đào tạo, cuộc thi khởi nghiệp, tư vấn chính sách và hỗ trợ cho chính quyền địa phương. MBI đã hợp tác với Hội doanh nhân trẻ Việt Nam, SiHub (Tp. Hồ Chí Minh) và DNES (Đà Nẵng) trong tư vấn phát triển một hệ thống hỗ trợ startup và nhà khởi nghiệp, sáng lập Sáng kiến Phụ nữ Khởi nghiệp (WISE), sáng kiến MIST cho khởi nghiệp du lịch... (MBI, 2017).

Ngoài việc xây dựng cơ sở hạ tầng, tiếp nhận hoặc đối ứng với các dự án hỗ trợ, Chính phủ đã thay đổi nhanh chóng theo hướng tạo thuận lợi hơn cho đầu tư. Trước đây Chính phủ có thái độ không mấy quan tâm tới đầu tư khởi nghiệp, nhưng sau đó đã thể hiện một vai trò chủ động hơn để khuyến khích tài trợ và cung cấp những ưu đãi về thuế và những khuyến khích đầu tư khác (AusTrade, 2019) mà đề án 844 là sự thể hiện cụ thể nhất.

Đề án 844 về “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”

Đề án 844 theo Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 đã đặt ra những chính sách đồng bộ trên nhiều phương diện nhằm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia của Việt Nam. Các hoạt động cụ thể bao gồm: Xây dựng công thông tin quốc gia về khởi nghiệp ĐMST, phát triển khu dịch vụ hỗ trợ tập trung tại những địa điểm có tiềm năng, nâng cấp TechFest lên quy mô quốc tế, thực hiện đề án thương mại hóa công nghệ, đào tạo nâng cao năng lực, phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, truyền thông, kết nối mạng lưới khởi nghiệp quốc tế, khuyến khích sử dụng quỹ phát triển khoa học công nghệ và ban hành mới, sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật cần thiết (Thủ tướng Chính phủ, 2016). Hành động này từ Trung ương đã lan tỏa xuống các địa phương. Tính đến nửa đầu năm 2021, đã có 53 địa phương ban hành kế hoạch triển khai đề án (Anh Tú, 2021), đã có địa phương nâng cấp đề án lên phiên bản mới như thành phố Hồ Chí Minh và

Hà Nội. Gần đây nhất, Thủ tướng đã ban hành quyết định 188/QĐ-TTg năm 2021 với nội dung chính là nâng cấp các mục tiêu trong quyết định 844, và nhấn mạnh việc phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo trên toàn quốc.

Sự vận động tự thân của cộng đồng khởi nghiệp cùng với các chính sách hỗ trợ từ phía nhà nước đã biến đổi mạnh mẽ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST Việt Nam. Lát cắt hình ảnh hệ sinh thái này vào giữa năm 2021 dựa trên những số liệu thống kê chính thức của Bộ Khoa học và Công nghệ và các bảng xếp hạng toàn cầu được giới thiệu trong phần 3 sau đây.

3. Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam 2021

Cộng đồng khởi nghiệp ĐMST Việt Nam đã có sự phát triển vượt bậc diễn ra sau khi Đề án 844 - chính sách hỗ trợ startup chính thức của Chính phủ được ban hành. Theo xếp hạng hệ sinh thái khởi nghiệp thế giới năm 2020 của Startup Blink (Startup Blink, 2021), Việt Nam có hai hệ sinh thái địa phương (Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh) được xếp hạng cùng hệ sinh thái toàn quốc. Trong năm 2020, Thành phố Hồ Chí Minh cũng lần đầu tiên tham gia bảng xếp hạng của Startup Genome. Mặc dù Startup Blink và Startup Genome có hai phương pháp đánh giá khác nhau, nhưng sự so sánh xếp hạng các thành phố giữa hai bảng xếp hạng trong cùng năm 2020 cho thấy sự tương đồng hoàn toàn về thứ bậc của những trung tâm khởi nghiệp trong khu vực. Mặc dù Việt Nam đã có nhiều cải thiện thứ bậc nhưng vẫn đứng sau 5 quốc gia (Singapore, Malaysia, Thái Lan, Philippines và Indonesia), với mức điểm thấp hơn đáng kể. Về các thành phố, Hà Nội tuy đạt thứ hạng (196) cao hơn thành phố Hồ Chí Minh (225), nhưng tổng điểm chưa đạt một nửa so với Kuala Lumpur, thua xa Manila, Bangkok và cách rất xa Jakarta và Singapore (xem Bảng 1).

Sau 20 năm phát triển, hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST Việt Nam đã có đầy đủ các cấu phần, nhưng sự phân bố không đồng đều giữa các địa phương (xem Hình 4). Tính đến tháng 6/2021, Việt Nam có 2.862 khởi nghiệp tại 47 tỉnh thành phố, trong đó có 48 khởi nghiệp từ nước ngoài (chủ yếu là do người Việt Nam ở những quốc gia đó khởi sự và quay về kinh doanh tại Việt Nam), và 16,98% số khởi nghiệp không có thông tin đầy đủ về nơi khởi nghiệp. Dù phân bố rộng khắp, nhưng có 37,18% khởi nghiệp ĐMST nằm tại Hà Nội, 34,84% tại Tp. Hồ Chí Minh và 2,66% tại Đà Nẵng; số lượng khởi nghiệp ở các tỉnh rất nhỏ bé, được gom thành ba nhóm miền Bắc,

Bảng 1: Xếp hạng các hệ sinh thái (HST) khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2020 của Startup Genome và Startup Blink

	Thứ hạng	Quốc gia/Thành phố	Thay đổi xếp hạng so với 2019	Điểm số lượng	Điểm chất lượng	Điểm môi trường	Tổng điểm
STARTUP BLINK 2020							
XẾP HẠNG HỆ SINH KHÁI KHỞI NGHIỆP ĐMST QUỐC GIA							
	16	Singapore	+5	1,72	3,72	3,12	8,569
	48	Malaysia	-1	0,24	0,59	2,37	3,195
	50	Thái Lan	-17	0,41	0,86	1,68	2,948
	53	Philippines	+1	0,43	0,72	1,64	2,789
	54	Indonesia	-13	0,22	1,15	1,12	2,485
	59	Việt Nam	+13	0,12	0,58	0,95	1,653
STARTUP BLINK 2020							
XẾP HẠNG HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐMST ĐỊA PHƯƠNG							
Startup Genome 2020							
17/100 HST đã định hình	26	Singapore	+6				11,966
2/100 HST mới nổi	41	Jakarta	-2				7,722
31-40/100 HST mới nổi	88	Manila	-4				4,261
51-60/100 HST mới nổi	90	Bangkok	-18				4,072
Chưa tham gia xếp hạng	94	Kuala Lumpur	-2				2,952
Chưa tham gia xếp hạng	196	Hà Nội	+33				1,261
70-80/100 HST mới nổi	225	Tp. Hồ Chí Minh					0,995

Nguồn: Tổng hợp từ Startup Blink (2021); Startup Genome(2020)

Trung, Nam² (không gồm ba thành phố lớn) trong biểu đồ ở hình 4.

Trong số 178 quỹ mạo hiểm hoạt động tại Việt Nam, có tới 64,61% quỹ từ nước ngoài. Với các quỹ nội địa, Tp. Hồ Chí Minh chiếm tỷ lệ cao hơn (20,79%) so với Hà Nội (14,61%). Đại đa số các quỹ đầu tư ở giai đoạn “seedfund” (ươm tạo), chiếm tới 83,7% trong các tiêu ngành khởi nghiệp đa dạng, đáng kể nhất là ngành công nghệ tài chính (*fintech*). Với 244 tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST có chức năng rõ ràng được khi nhận, có tới 52% thuần túy là những không gian làm việc với tiện ích văn phòng. Hàm lượng hỗ trợ sâu hơn đến từ các trung tâm ươm tạo (25,8%), trung tâm tăng tốc (9,4%). Đây là ba nhóm hỗ trợ đáng kể nhất, ngoài ra còn có tỷ lệ nhỏ

các tổ chức hỗ trợ về pháp lý, sở hữu trí tuệ, thương hiệu - marketing, tài chính, cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu. Các tổ chức này nằm chủ yếu tại Hà Nội (38,93%), TP. Hồ Chí Minh (33,61%) và Đà Nẵng (9,43%) (Hình 4).

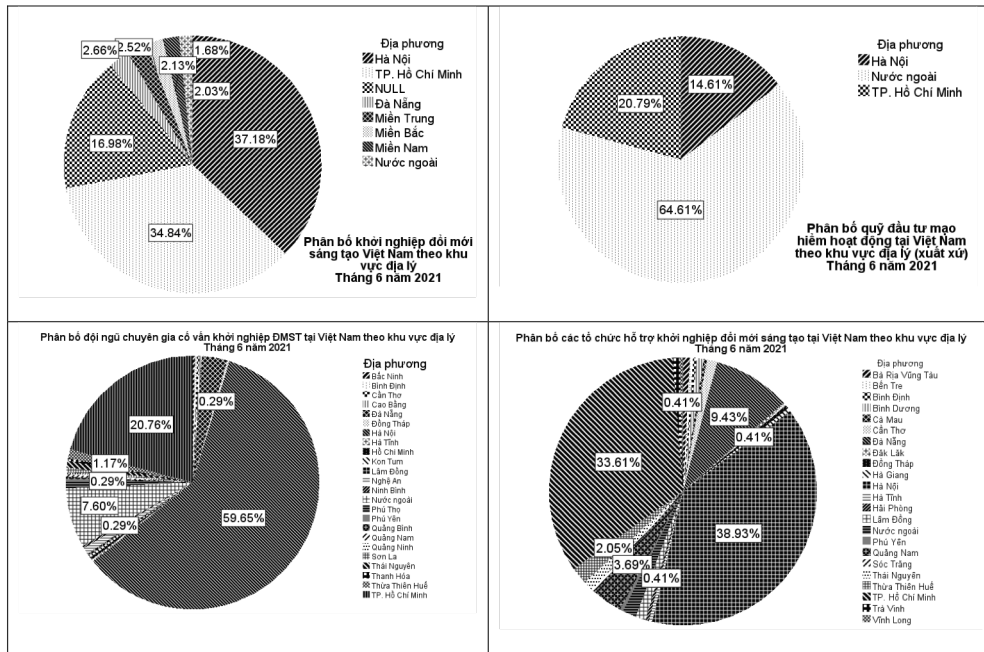
Lực lượng 342 chuyên gia cố vấn khởi nghiệp được ghi nhận phân bố tại 23 tỉnh thành và ở nước ngoài. Có tới 59,6% chuyên gia ở Hà Nội, 20,8% ở thành phố Hồ Chí Minh và 7,6% ở Đà Nẵng. Sự khác biệt rất lớn này là do các chương trình đào tạo chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thường dễ tiếp cận với khu vực phía Bắc hơn, và những người này dễ được ghi nhận trong danh sách hơn so với các cố vấn không tham dự các chương trình đó. Dịch vụ tư

2. Miền Bắc: Bắc Cạn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Giang, Hà Nam, Hải Dương, Hải Phòng, Hòa Bình, Hưng Yên, Lai Châu, Nam Định, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Bình, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc (Hà Nội tính riêng).

Miền Trung: Bình Thuận, Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hòa, Kon Tum, Lâm Đồng, Nghệ An, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế (Đà Nẵng tính riêng).

Miền Nam: An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre, Bình Dương, Cần Thơ, Đồng Nai, Đồng Tháp, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh (Tp. Hồ Chí Minh tính riêng).

Ý KIẾN TRAO ĐỔI



Nguồn: Dữ liệu khai thác từ Công thông tin KNDMST Quốc gia (2021)

Hình 4: Phân bố các thành tố của hệ sinh thái khởi nghiệp DMST tại Việt Nam theo khu vực địa lý (Tháng 6 năm 2021)

vận được các chuyên gia cung cấp nhiều nhất là tư vấn mô hình kinh doanh (26,9%), tài chính (23,7%) và quản trị doanh nghiệp (8,8%), bên cạnh các nhóm đa dịch bao gồm ba nhóm nêu trên và các dịch vụ khác.

Bức tranh toàn cảnh về bốn nhóm đối tượng cốt lõi cùng những hành động của nhà nước cho thấy, hệ sinh thái khởi nghiệp DMST tại Việt Nam tính tới giữa năm 2021 đã có đầy đủ các thành phần với hoạt động đa dạng. Trong hệ sinh thái quốc gia, nổi lên hệ sinh thái địa phương lớn nhất là Hà Nội, chiếm vị trí hàng đầu về số lượng khởi nghiệp, các tổ chức hỗ trợ và đội ngũ cố vấn. TP. Hồ Chí Minh là hệ sinh thái lớn thứ hai, kém Hà Nội không nhiều về ba nhóm trên, nhưng vượt trội hơn về số lượng quỹ đầu tư mạo hiểm. Đà Nẵng tuy kém hai thành phố trên rất xa về tất cả các tiêu chí nhưng có quy mô lớn hơn đáng kể so với các địa phương còn lại. Thứ hạng này hoàn toàn thống nhất với những đánh giá của các tổ chức quốc tế như Startup Blink (2021), theo đó Hà Nội đứng cao hơn Tp. Hồ Chí Minh nhưng khoảng cách không quá xa.

4. Những đóng góp và hạn chế của chính sách hỗ trợ khởi nghiệp DMST tại Việt Nam

Sự hỗ trợ của nhà nước dành cho khởi nghiệp DMST của Việt Nam đã chuyển từ trạng thái thụ

động đón nhận sang trạng thái chủ động kích hoạt toàn hệ thống. Hệ sinh thái khởi nghiệp DMST tại Việt Nam đã hình thành một cách tự nhiên từ đầu những năm 2000, với thành viên là các startup công nghệ và các quỹ đầu tư giai đoạn sớm đến từ nước ngoài. Sự hỗ trợ về mặt chính sách vào thời gian này chỉ là sản phẩm phái sinh của những chính sách phát triển kinh doanh và khoa học công nghệ. Cộng đồng vào thời điểm đó

thiếu những thành tố làm nên một hệ sinh thái khởi nghiệp DMST có sinh lực.

Đề án 844 không phải là thời điểm khai sinh ra hệ sinh thái khởi nghiệp, mà có vị trí như một cột mốc mới trong sự phát triển của hệ sinh thái này. Với đề án 844, Chính phủ đã trực tiếp tham gia hoặc chào đón sự thực thi một loạt những sáng kiến chính sách vừa tạo nên tầng đôi mới sáng tạo cho khởi nghiệp, vừa tự xây dựng cho mình năng lực trong việc thấu hiểu, chấp nhận và hỗ trợ cho khởi nghiệp. Về bản chất, khi tham gia các hoạt động này, đặc biệt là kể từ khi có dự án IPP, các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương và đã trải qua một quá trình học hỏi, mà phân quan trọng nhất là học tập kinh nghiệm quốc tế.

Những thử nghiệm chính sách dựa trên các dự án có đối tác nước ngoài trước thềm Đề án 844 đã định hình quan điểm hệ sinh thái khởi nghiệp và sự phù hợp với đặc điểm Việt Nam trong tư duy của các nhà làm chính sách. Trên nền móng đó, đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp DMST toàn diện ở tầm quốc gia lần đầu tiên tại Việt Nam là một bước đi táo bạo nhưng cần thiết để đạt mục tiêu phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp nhanh hơn. Tính đến năm 2021, sau 5 năm triển khai đề án, mục tiêu đó cơ bản đã đạt được,

với một hệ sinh thái đầy đủ các cấu phần, với đối tượng hữu quan đến từ trong và ngoài nước đang vận hành và đưa Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh cũng như Việt Nam nói chung trở thành những cái tên đáng chú ý trên bản đồ nền kinh tế khởi nghiệp ĐMST toàn cầu.

Sự gia tăng vai trò của nhà nước thông qua các chính sách phát triển khởi nghiệp ĐMST là phù hợp với xu thế tại nhiều quốc gia. Nhìn vào thành công của những hệ sinh thái khởi nghiệp hàng đầu thế giới như Boston hay Silicon Valley tại Hoa Kỳ, các quốc gia như Israel, Trung Quốc, Hà Lan, Singapore, Ấn Độ... nhận thấy mình không thể chờ đợi cho phép màu xảy ra hoàn toàn dựa vào khu vực tư nhân, nên đã chủ động kích hoạt các hệ sinh thái khởi nghiệp bằng cả vai trò nhà đầu tư và vai trò xây dựng thể chế. Tương tự như các nước này, Việt Nam đã ban hành chính sách hỗ trợ khởi nghiệp như Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (2017), trao trách nhiệm cho các sở khoa học công nghệ hoặc sở thông tin truyền thông các địa phương cung cấp không gian cho khởi nghiệp, thực hiện hệ thống chương trình truyền thông quy mô lớn làm thay đổi tâm lý xã hội theo hướng ủng hộ khởi nghiệp. Cụ thể hơn, các chương trình như Techfest và Surf (của Đà Nẵng) đã tạo ra sân chơi nội địa và dần mở rộng ra quốc tế cho các khởi nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh những kết quả tích cực, nhiều chính sách được ban hành nhưng chưa đến được cộng đồng khởi nghiệp ĐMST. Công thông tin khởi nghiệp quốc gia hay địa phương chưa phải là kênh thông tin được ưa chuộng, việc tiếp cận các trung tâm ươm tạo còn nhiều khó khăn, mạng lưới hỗ trợ tập trung chủ yếu tại các thành phố lớn và rất mỏng tại các tỉnh. Bên cạnh đó, điểm nghẽn lớn nhất hiện nay tại Việt Nam là chính sách chưa mở cửa cho việc gọi vốn mạo hiểm. Mặc dù nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, trong đó quy định chi tiết cho loại hình quỹ đầu tư khởi nghiệp và việc sử dụng ngân sách đại phương đầu tư khởi nghiệp nhưng lại chưa gọi tên quỹ đầu tư mạo hiểm và chưa đề cập tới các hình thức đầu tư mạo hiểm phổ biến khác như gọi vốn cộng đồng, hay đầu tư thiên thần rất thiết yếu cho startup ở giai đoạn hạt giống. Khi các dòng vốn thương mại truyền thống như vốn vay ngân hàng không thể chảy vào các khởi nghiệp ĐMST do các quy định pháp lý về thẩm định tín dụng, thì việc thiếu nguồn vốn mạo hiểm sẽ hạn chế phát triển khởi nghiệp mới hình thành, và đẩy các khởi nghiệp có tiềm năng lớn sang các hệ sinh thái dồi dào nguồn vốn này hơn ở nước ngoài.

5. Hàm ý chính sách và kết luận

Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST tại Việt Nam còn rất nhiều dư địa cho sự phát triển và các chính sách của nhà nước vẫn cần thiết cho cho tới khi môi trường cho khu vực tư nhân tự vận hành đã trưởng thành. Hệ thống chính sách hỗ trợ hiện nay là rất toàn diện, tuy nhiên hiệu quả cuối cùng phụ thuộc vào việc đưa các chính sách đó tới cộng đồng khởi nghiệp. Việc này yêu cầu các nhà làm chính sách cần gia tăng sự tham dự của cộng đồng thụ hưởng ngay từ khâu soạn thảo, thử nghiệm, và thực thi chương trình truyền thông hướng đích chuyên nghiệp sau khi ban hành để chính sách được biết đến, hiểu và khai thác trong hoạt động của nhà khởi nghiệp, nhà đầu tư và các tổ chức hỗ trợ.

Sự thận trọng là cần thiết nhưng nhà nước cần sớm cởi mở mới hoạt động đầu tư mạo hiểm hơn và có hệ thống pháp lý bảo trợ quyền lợi của các nhà đầu tư này. Hình thức khuyến khích có thể là thừa nhận tính hợp pháp của gọi vốn cộng đồng hoặc các hình thức tài chính công nghệ khác; ưu đãi thuế thu nhập cá nhân cho nhà đầu tư thiên thần; và quy định chính thức về hoạt động của quỹ đầu tư mạo hiểm bằng một luật riêng. Vốn mạo hiểm là dòng máu và ôxy nuôi dưỡng các startup. Chỉ khi dưỡng chất thiết yếu này được cung cấp đầy đủ, thì hệ sinh thái khởi nghiệp tại Việt Nam mới có thể tồn tại và phát triển bền vững.

Bằng việc tóm tắt lại các giai đoạn phát triển, các chính sách song hành một cách vô tình hoặc có chủ đích và vẽ nên bức tranh hệ sinh thái vào năm 2021, nghiên cứu này đã đóng góp vào kho tàng nghiên cứu một lịch sử ngắn gọn về khởi nghiệp ĐMST trong mối quan hệ với nhà nước tại Việt Nam. Mặc dù là một thành tố, nhưng nhà nước là thành tố đặc biệt quan trọng vì với quyền lực của mình, yếu tố này có thể ngăn cản hoặc đặc biệt thúc đẩy hệ sinh thái. Chính phủ tại Việt Nam đã có những bước đi đúng đắn trong ban hành chính sách hỗ trợ, và những gợi ý chính sách nêu trên có thể giúp gia tăng mạnh mẽ hiệu quả chính sách và đưa hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST vươn lên những nấc thang phát triển cao hơn. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Khoa học và Công nghệ. (2017), *Hướng dẫn xây dựng kế hoạch triển khai đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”* Kèm theo Công văn số 1919/BKH-CN-PTTĐN của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 13 tháng 6 năm 2017, Hà Nội: Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Anh Tú. (2021, 17/03/2021), *Việt Nam sẽ trở thành trung tâm khởi nghiệp hàng đầu Đông Nam Á?*, Thời báo Kinh tế Việt Nam, Trích xuất từ: <https://vneconomy.vn/viet-nam-se-tro-thanh-trung-tam-khoi-nghiep-hang-dau-dong-nam-a-646135.htm> vào ngày 25/4/2021.

3. AusTrade. (2019), *Vietnam's Innovation Ecosystem 2019*, Retrieved from Hanoi.

4. Blank, S. (2013), *Why the Lean Start-Up Changes Everything*, *Harvard Business Review*, 91(5), 63-72. Trích xuất từ: <http://search.ebscohost.com/login.aspx?direct=true&db=bth&AN=87039866&site=ehost-live> vào ngày 30/4/2021.

5. Blanks, S., & Dorf, B. (2012), *The Startup Owner's Manual: The Step-by-step Guide for Building a Great Company*, California: K&S Ranch Publishing Inc.

6. BQL các KCX & KCN Tp. HCM. (2020), *Lịch sử hình thành và phát triển*, Trích xuất từ: <http://www.hepza.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/lich-su-hinh-thanh-va-phat-trien.jsessionid=4F80B7A71DDAE7870B1DEF54AFC68EBA> vào ngày 28/4/2021.

7. Bùi Nhật Quang. (2017), *Khởi nghiệp tại Việt Nam: nhận thức và những kết quả bước đầu*, *Nghiên cứu Kinh tế* 3, 12-17.

8. Cento Ventures. (2019), *Vietnam Tech Investment Report. Singapore*. Trích xuất từ: <https://www.centovc.com/wp-content/uploads/2019/09/Vietnam-Tech-Investment-Report.pdf> vào ngày 28/4/2021.

9. IPP. (2018), *IPP2: Phòng thí nghiệm chính sách*, Trích xuất từ <http://ipp.vn/ipp2-phong-thi-nghiem-chinh-sach/>

10. Khôi Linh. (2015), *Việt Nam đi tìm cơ hội cho doanh nghiệp khởi nghiệp*, *Dân Trí*, Trích xuất từ <https://dantri.com.vn/suc-manh-so/viet-nam-di-tim-co-hoi-cho-doanh-nghiep-khoi-nghiep-1432360547.htm> vào ngày 19/4/2021.

11. Krippendorff, K. (2013), *Content analysis: an introduction to its methodology* (Third ed.), London; Los Angeles: SAGE.

12. Ngô Thị Thơm. (2020), *Giải pháp thúc đẩy hiệu quả doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo*, *Quản lý nhà nước*, 5, 87-91.

13. Nguyễn Thị Thanh An, & Đinh Thị Ngọc Quỳnh. (2021), *Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các trường đại học tại Việt Nam*, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo* 8, 52-54.

14. Nguyễn Thu Hương, & Nguyễn Quốc Anh. (2020), *Đánh giá mức độ phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở cấp độ địa phương*, *Khoa học và Công nghệ (Đại học Đà Nẵng)* 8, 63-67.

15. Nguyễn Thúc Hương Giang, & Lê Vũ Toàn. (2020), *Quyển đầu tư mạo hiểm cho hoạt động khởi*

ng nghiệp đổi mới sáng tạo ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp, *Kinh tế và Dự báo*, 18, 151-153.

16. Quốc Hội. (2000), *Luật số 21/2000/QH10 - Luật Khoa học và Công nghệ*, Hà Nội: Quốc Hội Trích xuất từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/Luat-Khoa-hoc-va-Cong-nghe-2000-21-2000-QH10-46449.aspx> vào ngày 19/4/2021.

17. Rowan, A. (2019), *Startup Vietnam: Innovation and Entrepreneurship in the Socialist Republic: MASCOT BOOKS*.

18. Thủ tướng Chính phủ. (2016), *Quyết định số 844/QĐ-TTg Về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025"*, Hà Nội.

19. Trần Ánh Phương. (2018), *Thực trạng giảng dạy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong các trường đại học hiện nay*, *Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*, 517, 86-88.

20. Trần Thị Hồng Liên. (2019), *Chính phủ trở thành khách hàng của startup: Bước đột phá hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo*, *Kinh tế và Phát triển*, 266, 24-34.

21. Trần Thị Hồng Liên, Vân, C. T. K., Trang, N. T. T., Dung, N. T., Quát, P. H., & Chính, P. Đ. (2018), *Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và chính sách hỗ trợ phát triển: Đánh giá tại bốn địa phương - Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh*, Paper presented at the International Conference on Startup and Innovation Nation, Hà Nội.

22. Vietnam Silicon Valley. (2021), *Introduction*, Trích xuất từ <http://www.siliconvalley.com.vn/> vào ngày 10/5/2021.

Summary

This paper fills in a literature gap of a systematic perspective of startup development history in Vietnam. After a period of multi-resources accumulation, activated by the economy opened to the world and waves of foreign investment before 2000, initial seeds of startup and an ecosystem sprouted and gradually developed. After 20 years, there have been three generations of startups that are significantly different in terms of scale, strategic directions, business performance, and the ecosystem's maturity. They have changed from domestic-oriented to regional and global oriented, from small startups to unicorns, from a primitive community to a comprehensive and dynamic ecosystem. Along the journey, leaps and bounds occurred after the governments at both central and local levels took operational responsibilities and issued public policies to support startups.